

**Uy ban kỹ thuật điện Quốc tế (IEC)  
ấn phẩm 50 (601) - 1985**

**Từ ngữ kỹ thuật điện Quốc tế**

**Chương 602: Phát, truyền tải và phân phối điện -**

**Phát điện**

**Mục lục**

	Trang
Lời nói đầu .....	
Lời tựa .....	
Tiết	
<i>Tiết 602-01</i> Ø <i>Các nhà máy phát điện</i> .....	<i>3</i>
<i>Tiết 602-02</i> Ø <i>Lắp đặt và thiết bị phát điện</i> .....	<i>10</i>
<i>Tiết 602-03</i> Ø <i>Vận hành các nhà máy phát điện</i> .....	<i>22</i>

ỦY BAN KỸ THUẬT ĐIỆN QUỐC TẾ

TỪNGỮ KỸ THUẬT ĐIỆN QUỐC TẾ

**Chương 602: Phát, truyền tải và phân phối điện - Phát điện**

**Lời nói đầu**

1. Các quyết định hoặc thỏa thuận chính thức của IEC về các vấn đề kỹ thuật được soạn thảo bởi các ủy ban kỹ thuật, trong đó có đại diện của các ủy ban Quốc gia đang có quan tâm đặc biệt đến vấn đề này, thể hiện sự nhất trí Quốc tế cao về các chủ đề đã được đề cập.
2. Các quyết định hoặc thỏa thuận này là những khuyến nghị để sử dụng quốc tế và đã được các Ủy ban Quốc gia chấp nhận theo ý nghĩa đó.
3. Để xúc tiến sự thống nhất Quốc tế, IEC bày tỏ mong muốn tất cả các ủy ban Quốc gia nên chấp nhận khuyến nghị của IEC như là các qui định quốc gia của mình trong chừng mực các điều kiện quốc gia cho phép. Bất kỳ sự khác biệt nào giữa khuyến nghị của IEC và qui định quốc gia tương ứng, cần được nêu rõ trong chừng mực cho phép trong các quy định này.

LỜI TỰA

Ấn phẩm này hợp thành chương thứ hai của một tập hợp năm chương của từ ngữ kỹ thuật điện quốc tế (IEV) dành cho sản xuất, truyền tải và phân phối điện theo thứ tự sau:

- Chương 601: tổng quát.
- Chương 602: Sản xuất.
- Chương 603: Kế hoạch hoá và quản lý các lưới.
- Chương 604: Vận hành.
- Chương 605: Các trạm biến áp.

Những chương này đã được nhóm 25 duyệt lại lần xuất bản thứ hai của IEV năm 1965 và đã được chuẩn bị kể từ năm 1968, bởi nhóm làm việc 1/WGP 601 mà thư ký luân lượt là Ủy ban Quốc gia của Liên Xô đảm nhiệm và rồi, kể từ 1986, là Ủy ban Quốc gia Đức.

Thuật ngữ trong chương 602 <<Phát điện>> đã được thu hẹp có ý thức trong phạm vi hạn chế. Những thiết bị sản xuất được xem xét chủ yếu theo chức năng chúng đảm nhiệm và chỉ lựa chọn một ít thuật ngữ cần cho những người làm kế hoạch và vận hành lưới. Chương 602 chỉ còn là chủ yếu một chương kỹ thuật điện loại trừ, càng nhiều càng hay, tất cả chi tiết cấu trúc trong định nghĩa các thiết bị.

Một dự thảo thứ nhất, tài liệu 1 (IEV 602) (Thư ký) 1156 đã được đưa ra xem xét vào tháng hai 1980. Sau một hội nghị mở rộng của nhóm làm việc WG 601 họp ở Pari từ 01 đến 03/10/1980, một dự thảo thứ hai, tài liệu 1 (IEV 602) (văn phòng trung tâm) 1152 đã được trình lên các Ủy ban Quốc gia để được chấp nhận theo quy tắc sáu tháng vào tháng Giêng năm 1981.

Các Ủy ban Quốc gia các nước sau đây đã bỏ phiếu thuận cho ấn phẩm:

Úc	Ai Cập	Rumani
Liên Xô		
Bỉ	Hoa Kỳ	Vương Quốc Anh
Brazil	Pháp	Thụy Điển
Canada	Israel	Thụy Sĩ
Cộng Hoà Triều Tiên	Italia	Tiệp

## CHƯƠNG 602: PHÁT, TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN PHÁT ĐIỆN

### Tiết 602-01 Ø Các nhà máy phát điện

#### 602-01-01

##### **nhà máy phát điện.**

Một thiết bị có mục đích phát điện và bao gồm các công trình kỹ thuật dân dụng, thiết bị chuyển đổi năng lượng và tất cả các thiết bị phụ trợ cần thiết

#### 602-01-02

##### **hệ thống phát điện.**

Tập hợp các phương tiện phát điện trong một hệ thống.

*Ghi chú.- Người ta cũng có thể coi chỉ một phân nhóm nhất định (ví dụ hệ thống phát nhiệt điện)*

#### 602-01-03

##### **sự lắp đặt thủy điện.**

Một sự sắp xếp có thứ tự các công trình dân dụng, máy móc và thiết bị nhằm mục đích chủ yếu là chuyển đổi thế năng của nước thành điện năng

**602-01-04****nhà máy thủy điện.**

Một nhà máy điện trong đó động năng của nước được chuyển thành điện năng

**602-01-05****nhà máy điện dòng chảy.**

Một nhà máy thủy điện dùng dòng chảy của sông, thời gian làm đầy hồ chứa thực tế là không đáng kể.

**602-01-06****nhà máy điện tích nước.**

Một nhà máy thủy điện mà thời gian làm đầy hồ nước dựa vào những dòng chảy của nước tích lại cho phép giữ nước trong một thời gian nhiều nhất không quá một vài tuần.

*Ghi chú: đặc biệt, nhà máy điện ứ nước cho phép dòng chảy được trữ lại trong thời gian tải thấp để có thể vận hành tua bin trong thời gian tải cao trong cùng ngày hay những ngày sau đó.*

**602-01-07****nhà máy điện hồ chứa.**

Một nhà máy thủy điện mà hồ chứa có thời gian tích đầy bởi nước chảy nhiều hơn một vài tuần

*Ghi chú.- Một nhà máy hồ chứa thường cho phép tích nước trong thời gian nước cao để có thể vận hành tua bin sau này trong thời gian tải cao*

**602-01-08****nhà máy điện thủy triều.**

Một nhà máy điện dùng chênh lệch độ cao của nước do thủy triều

**602-01-09****tích nước bằng bơm.**

Vận hành bằng cách đưa nước lên bằng bơm và giữ lại để dùng về sau cho một hoặc nhiều công trình thủy điện để phát điện.

**602-01-10****nhà máy điện tích nước bằng bơm.**

Một nhà máy điện dùng một bể chứa cao và một bể chứa thấp cho phép thực hiện các chu kỳ phát và bơm lặp lại

**602-01-11****cột nước thô của nhà máy thủy điện.**

Chênh lệch độ cao giữa các mức nước thượng lưu và hạ lưu trong các điều kiện quy định

**602-01-12****cột nước tinh của nhà máy thủy điện.**

Cột nước thô của nhà máy thủy điện trừ đi chiều cao tương đương với tổn thất thủy lực không kể đến những tổn thất thủy lực trong tua bin

**602-01-13****dung lượng nước có ích của một hồ chứa.**

Thể tích nước của hồ chứa giữa mức thấp nhất và cao nhất cho phép để vận hành bình thường một hồ chứa

**602-01-14****khả năng năng lượng một hồ chứa.**

Lượng điện năng sẽ được sản xuất bởi một hoặc nhiều nhà máy phát điện được cung cấp bởi một hồ chứa trong trường hợp xả hết dung lượng nước có ích

**602-01-15****dự trữ nước có ích của một hồ chứa.**

Khối lượng nước chứa trong hồ trong một thời gian nhất định ở trên mức thấp nhất cho phép để vận hành bình thường

**602-01-16****dự trữ năng lượng của một hồ chứa.**

Lượng điện năng có thể được sản xuất bởi các nhà máy điện được cung cấp bởi một hồ chứa trong trường hợp xả hết nước dự trữ có ích

**602-01-17****hệ số làm đầy hồ chứa.**

Tỷ số của dự trữ điện năng của một hoặc nhiều hồ chứa, tại một thời điểm đã cho, với khả năng năng lượng của chúng

**602-01-18****lưu lượng nước về.**

Khối lượng tổng cộng của nước chảy qua một thiết diện đã cho của dòng nước trong một khoảng thời gian đã cho

**602-01-19****khả năng năng lượng (của một hay nhiều công trình thủy điện).**

Lượng điện năng mà lưu lượng nước về, được hiệu chỉnh bởi các điều kiện thượng nguồn, có thể sản xuất ra được trong những điều kiện tối ưu trong khoảng thời gian đã cho

**602-01-20****khả năng năng lượng trung bình (của một hay nhiều công trình thủy điện).**

Trung bình của khả năng năng lượng của một hay nhiều công trình thủy điện trong một thời kỳ phát triển nhất định, được xác định trong cùng một thời kỳ và cho càng nhiều năm càng tốt

**602-01-21****hệ số khả năng năng lượng (của một hay nhiều công trình thủy điện).**

Tỷ số của khả năng năng lượng qua một thời gian đã cho với khả năng năng lượng trung bình trong cùng một thời gian đó

**602-01-22****nhà máy nhiệt điện.**

Một nhà máy điện trong đó điện năng được sản xuất ra bằng cách chuyển đổi từ nhiệt năng

*Ghi chú.- nhiệt năng có thể nhận được từ các nguồn khác nhau*

**602-01-23****nhà máy nhiệt điện kiểu cổ.**

Một nhà máy nhiệt điện trong đó nhiệt năng nhận được từ đốt than đá hay hydro-cácbon

**602-01-24****điện và nhiệt hỗn hợp.**

Việc sản xuất nhiệt được dùng cho những mục đích không điện và cho sản xuất điện năng

**602-01-25****tích lũy khí nén.**

Sự vận hành qua đó khí được nén, làm lạnh và lưu giữ trong bình chứa tự nhiên

**602-01-26****nhà máy điện khí nén.**

Một nhà máy điện được trang bị tua bin khí sử dụng khí nén lưu giữ

**602-01-27****nhà máy điện (nhiệt) nguyên tử.**

Một nhà máy nhiệt điện trong đó nhiệt năng thu được nhờ phản ứng nguyên tử



**602-01-28****nhà máy điện địa nhiệt.**

Một nhà máy nhiệt điện trong đó năng lượng nhiệt được trích ra từ các vùng thích hợp của vỏ trái đất

**602-01-29****nhà máy điện mặt trời.**

Một nhà máy điện sản xuất điện năng từ bức xạ mặt trời trực tiếp nhờ hiệu ứng quang điện, hay gián tiếp bởi sự biến đổi nhiệt

**602-01-30****nhà máy điện gió.**

Một nhà máy điện trong đó năng lượng gió được chuyển đổi thành điện năng

**602-01-31****nhà máy điện nhiệt từ-thủy-động.  
nhà máy điện TTD.**

Một nhà máy nhiệt điện sản xuất ra điện năng nhờ tác động của một trường điện từ trên một dòng plasma.

**602-01-32****nhà máy điện gradien nhiệt độ biển hay đại dương.**

Một nhà máy nhiệt điện sản xuất ra điện năng nhờ sự khác nhau giữa các nhiệt độ ở bề mặt của đại dương/biển và nhiệt độ ở độ sâu hơn

**602-01-33****pin nhiên liệu.**

Một máy phát điện sử dụng hoá năng trực tiếp bằng ion hoá và oxy hoá nhiên liệu

**Tiết 602-02 Ø Lắp đặt và thiết bị phát điện****602-02-01****nhóm máy phát điện.**

Một nhóm các máy quay chuyển đổi nhiệt năng hoặc cơ năng thành điện năng

**602-02-02****nhóm động cơ.**

Một nhóm các máy quay biến đổi điện năng thành cơ năng

**602-02-03****tổ máy thuỷ điện.**

Một tổ máy phát điện gồm một tua bin thuỷ lực nối cơ khí với một máy phát điện

**602-02-04****tổ máy thuỷ điện thuận nghịch.**

Một tổ máy quay đảm bảo chức năng kép sản xuất điện hoặc bơm

**602-02-05****đập.**

Một công trình giữ nước chảy vào để phục vụ cho những mục đích xác định.

**602-02-06****đập kiểu trọng lượng**

Một đập được xây bằng bê tông và/hay nề mà sự ổn định được đảm bảo bằng trọng lượng của nó

**602-02-07****đập kiểu vòm.**

Một đập bằng bê tông và/hay nề được uốn cong để chuyển phần lớn áp xuất nước lên tường chống mặt bên

**602-02-08****đập đất.**

Một đập bằng đất nện mà quá nửa tổng thể tích tạo thành bởi các vật liệu hạt mịn nện chắc

**602-02-09****Đường ống chịu áp.**

Một đường ống dẫn nước có áp xuất tới tua bin

**602-02-10****hồ tràn;**

Một hồ chứa nước có bề mặt hở làm giảm hậu quả của sóng áp xuất sốc trong đường ống chịu áp

**602-02-11****tua bin kiểu xung.**

Một tua bin trong đó một chất lỏng tác động chủ yếu bằng động năng của nó

**602-02-12****tua bin kiểu phản lực.**

Một tua bin trong đó một chất lỏng tác động vừa bằng động năng vừa bằng áp xuất của nó

**602-02-13****tua bin Pelton.**

Một tua bin kiểu xung thuỷ lực thường vận hành từ một thác nước cao với lưu lượng nhỏ

**602-02-14****tua bin Francis.**

Một tua bin thuỷ lực kiểu phản lực có những cánh hướng cố định thường vận hành ở những thác nước có chiều cao trung bình hay thấp với lưu lượng trung bình

**602-02-15****tua bin Kaplan.**

Một tua bin thủy lực kiểu phản lực loại trục mà rôto có những cánh hướng điều chỉnh được, vận hành với lưu lượng cao

**602-02-16****tổ máy loại bọc kín.**

Một tổ máy thủy điện có vỏ bọc kín chứa máy phát điện và tua bin được đặt chìm trong dòng chảy

**602-02-17****tua bin - cánh quạt.**

Một tua bin kiểu Kaplan với những cánh hướng không điều chỉnh được, phù hợp với chiều cao cột nước không thay đổi

**602-02-18****hồ chứa nước bù.**

Một hồ chứa để điều chỉnh lưu lượng nước của sông và các nhà máy thủy điện ở hạ lưu

**602-02-19****tổ máy nhiệt điện.**

Tập hợp tạo thành một đơn vị vận hành thường bao gồm một nồi hơi, một tổ máy phát nhiệt điện, một máy biến áp và các thiết bị phụ trợ của chúng

**602-02-20****tổ máy nhiệt điện.**

Một tổ máy phát gồm một động cơ nhiệt sơ cấp nối cơ với một hoặc nhiều máy phát điện

**602-02-21****tổ máy tua bin máy phát.**

Một tổ máy nhiệt điện trong đó động cơ sơ cấp là một tua bin hơi

*Ghi chú:- Trong lĩnh vực sản xuất điện năng, việc thực tế loại trừ sử dụng các máy phát đồng xoay chiều giải thích ý nghĩa hạn chế hơn của thuật ngữ dùng trong tiếng Pháp*

**602-02-22****tổ máy động cơ đốt trong.**

Một tổ máy nhiệt điện trong đó động cơ sơ cấp là một động cơ đốt trong

**602-02-23****tổ máy tua bin khí.**

Tổ máy nhiệt điện trong đó động cơ sơ cấp là một tua bin khí

**602-02-24****tổ máy ngưng tụ.**

Một tổ máy tua bin-máy phát trong đó tua bin là loại ngưng tụ

**602-02-25****tổ máy ngưng tụ với thiết bị làm nóng lại.**

Một máy ngưng tụ với thiết bị làm nóng lại hơi nước sau khi đã giãn nở lần đầu trong tua bin

**602-02-26****tổ máy đối áp.**

Tổ máy tua bin -máy phát trong đó tua bin là loại đối áp

**602-02-27****máy phát điện chính.**

Máy phát điện mà điện năng sản xuất ra được chuyển toàn bộ hoặc một phần vào hệ thống hoặc trực tiếp đến người sử dụng

**602-02-28****máy phát điện tự dùng.**

Một máy phát điện mà điện năng sản xuất ra được cung cấp cho những công việc tự dùng trong nhà máy điện

**602-02-29****những thiết bị tự dùng của một tổ hợp**

Bất kỳ thiết bị tự dùng chuyên dùng cho nhà máy và cần thiết cho sự vận hành của nó

Ví dụ : máy nghiền, máy bơm tuần hoàn, quạt thông gió

**602-02-30****các thiết bị tự dùng chung.**

Tập hợp các thiết bị tự dùng chung cho tổ hợp và cho nhà máy điện

Ví dụ: chiếu sáng, máy nén khí

**602-02-31****Tổ máy biến áp - máy phát điện  
máy biến áp hợp bộ .**

Một máy biến áp đấu vào cực của máy phát điện qua nó công suất ra của máy phát điện được truyền tải vào hệ thống

**602-02-32[33]****máy biến áp tự dùng của một đơn vị.  
[của một nhà máy điện].**

Máy biến áp dùng để cung cấp điện cho các công việc tự dùng của một tổ hợp  
[của một nhà máy điện]

**602-02-34****nồi hơi.**

Một thiết bị mà chức năng là làm cho nước bốc hơi dưới áp suất, tạo quá nhiệt và, trong một vài trường hợp làm nóng lại hơi nước

**602-02-35****nồi hơi tuần hoàn tự nhiên.**

Một nồi hơi trong đó sự tuần hoàn được tạo ra bởi đối lưu và trong đó bao hơi tách trạng thái nước ra khỏi trạng thái hơi



**602-02-36****nồi hơi tuần hoàn cưỡng bức .**

nồi hơi một ống.

Một nồi hơi mạch hở trong đó nước bơm vào bị bốc hơi, và hơi được quá nhiệt trong cùng một ống

**602-02-37****nồi hơi tuần hoàn điều khiển.**

Một nồi hơi loại tuần hoàn tự nhiên trong đó tốc độ tuần hoàn nước được tăng bởi một bơm

**602-02-[38][39] [40]****nồi hơi kiểu nhiên liệu phun [nồi hơi chất đốt khí ][nồi hơi chất đốt lỏng ].**

Một nồi hơi được thiết kế cho loại nhiên liệu dạng bụi

**602-02-41****nồi hơi đốt trung gian**

Nồi hơi đốt bằng than, than nghiền được lưu giữ trước khi đưa vào buồng đốt

**602-02-42****nồi hơi đốt trực tiếp**

Một nồi hơi than bột trong đó than nghiền được đưa thẳng ngay vào lò

**602-02-43****nồi hơi tăng sôi.**

Một nồi hơi trong đó than nghiền được duy trì lơ lửng bởi một luồng khí nâng lên trong khi đốt cháy.

**602-02-44****hơi quá nhiệt.**

Hơi ở nhiệt độ cao hơn nhiệt độ bão hoà tại một áp suất đã cho

**602-02-45****bộ quá nhiệt.**

Một bộ phận của nồi hơi tại đó hơi sản xuất ra được quá nhiệt

**602-02-46****thiết bị làm nóng lại.**

Một bộ phận của nồi hơi trong đó hơi hút ra của bộ phận áp lực-cao được quá nhiệt lại

**602-02-47****tua bin hơi.**

Một tua bin mà chất lỏng làm quay là hơi.

**602-02-48****tua bin hơi ngưng tụ.**

Một tua bin dùng bình ngưng tụ làm lạnh bằng nước để làm lạnh hơi thoát ra

**602-02-49****tua bin hơi ngưng tụ có rút hơi.**

Một tua bin hơi ngưng tụ được rút một phần đáng kể hơi cho các nhu cầu khác ngoài sản xuất điện

**602-02-50****xi-lanh (của một tua bin hơi).**

Một trong những phần thân máy tua bin hơi trong đó đặt phần lớn các bộ phận tĩnh

*Ghi chú 1- trong một tua bin có ba xi-lanh, theo áp suất hơi vào, có:*

*xi-lanh H.P (áp suất cao)*

*xi-lanh I.P (áp suất trung bình)*

*xi-lanh L.P (áp suất thấp)*

*2- Trong một nghĩa rộng hơn, cả tập hợp của thân (casing) và rôto (rotor) có thể được gọi là xi-lanh (cylinder)*

**602-02-51****truyền động trực chung.**

Một tập hợp các rôto ghép trên cùng một trục

**602-02-52****tổ máy một trục.**

Một bộ gồm tua bin hơi nhiều xi-lanh và một máy phát trên một đường truyền động trực chung

**602-02-53****tổ máy nhiều trục**

Một hợp bộ gồm tua bin hơi có nhiều xi-lanh với những trục tách riêng mỗi cái kéo một máy phát chính

**602-02-54****bộ điều tốc.**

Một thiết bị điều chỉnh hơi vào của tua bin nhằm duy trì tốc độ quay ở một trị số yêu cầu

**602-02-55****bộ chống vượt tốc.**

Một thiết bị mà chức năng là đóng hơi vào của tua bin nhằm mục đích hạn chế tốc độ quay khi bất thành linh mất tải

**602-02-56****bộ ngưng tụ.**

Một thiết bị trao đổi nhiệt, đó là nguồn lạnh trong một chu trình hơi kín và làm ngưng tụ hơi thoát ra của tua bin

**602-02-57****tháp làm lạnh.**

Một thiết bị trao đổi nhiệt của nước/không khí có tác dụng làm lạnh nước tuần hoàn của bộ ngưng tụ trong một mạch kín

**602-02-58****tháp làm lạnh khô.**

Một cấu trúc trong đó bộ ngưng tụ làm lạnh nước không trực tiếp tiếp xúc với không khí

**602-02-59****tháp làm lạnh ẩm.**

Một cấu trúc trong đó bộ ngưng tụ làm lạnh nước trực tiếp tiếp xúc với không khí

**602-02-60****tháp làm lạnh thông gió cưỡng bức.**

Một tháp làm lạnh trong đó dòng không khí được tăng một cách nhân tạo

**Tiết 602-03 Ø Vận hành các nhà máy phát điện****602-03-01****khởi động lạnh tổ máy nhiệt điện.**

Quá trình mà tổ máy phát được tăng tốc độ, máy được hoà vào hệ thống và mang tải sau một thời gian dài không vận hành

**602-03-02****khởi động nóng tổ máy nhiệt điện .**

Quá trình mà một máy phát được tăng tốc độ, máy được hoà vào hệ thống và mang tải sau thời gian ngắn không vận hành không thay đổi quá nhiều tình trạng nhiệt của tua bin

**602-03-03****phụ tải an toàn tối thiểu của một tổ máy .**

Mức công suất mà một tổ máy không thể duy trì vận hành liên tục thấp hơn mà không có nguy hiểm xảy ra, ít nhất, cho một trong các bộ phận của nó

**602-03-04****công suất phát ra thô của một tổ máy.**

Công suất điện sản xuất tại các cực của máy phát chính và phụ của tổ máy

**602-03-05****công suất thô phát ra bởi một nhà máy điện.**

Công suất điện sản xuất tại các cực của các máy phát chính và phụ của một nhà máy điện

**602-03-06****công suất tinh phát ra bởi một tổ máy phát.**

Công suất phát ra trừ công suất điện tiêu thụ bởi các công việc tự dùng liên kết  
-

**602-03-07****công suất phát ra tinh của một nhà máy điện.**

Công suất phát ra trừ công suất tiêu thụ bởi các công việc tự dùng liên kết và trừ những tổn thất của các máy biến áp liên kết

**02-03-08[09]****công suất tối đa của một tổ hợp [một nhà máy điện].**

Công suất tối đa có thể được sản xuất bởi một đơn vị [một nhà máy điện], ở chế độ vận hành liên tục với tất cả các thành phần của nó đều trong trạng thái hoạt động

*Ghi chú:- Công suất có thể là thô hoặc tinh*

**602-03-10****khả năng quá tải .**

Tải cao nhất có thể được duy trì trong một thời gian ngắn

**602-03-11[12]**

**công suất sẵn sàng của một tổ hợp [của một nhà máy điện].**

Công suất tối đa ở đó một tổ hợp [một nhà máy điện] có thể vận hành liên tục ở những điều kiện thực tế

*Ghi chú :- công suất này có thể tinh hoặc thô.*

**602-03-13**

**nhu cầu công suất của một hệ thống-**

Công suất phải được cung cấp cho một hệ thống để đáp ứng nhu cầu

**602-03-14**

**công suất dự phòng của một hệ thống.**

Độ chênh lệch giữa công suất tổng sẵn sàng của hệ thống và nhu cầu công suất của hệ thống

**602-03-15**

**dự trữ quay của hệ thống.**

Độ chênh lệch giữa công suất tổng sẵn sàng của tất cả các máy phát điện đã nối vào hệ thống và tải thực tế của chúng

**602-03-16**

**dự phòng nóng .**

Công suất tổng sẵn có của các máy phát sẵn sàng khởi động để đóng nhanh vào hệ thống



**602-03-17****dự phòng nguội .**

Công suất tổng sẵn sàng của các máy phát dự phòng mà việc khởi động có thể kéo dài vài giờ

**602-03-18****năng lượng buộc phải dùng .**

Năng lượng sơ cấp mà sự tiêu thụ của nó không thể được chậm trễ và nó sẽ bị lãng phí nếu không biến đổi thành điện  
Ví dụ : năng lượng dòng chảy của sông

**602-03-19[20]****xuất tiêu hao nhiệt trung bình thô[tinh] của một tổ hợp**

Trong một thời gian đã cho, tỷ số của nhiệt năng của chất đốt tiêu thụ với điện năng thô [tinh] sản xuất bởi một tổ hợp trong cùng một thời gian

**602-03-21[22]****hiệu xuất nhiệt thô[tinh] của một tổ hợp**

Trong một thời gian đã cho, tỷ số của điện năng thô [tinh] phát ra bởi một tổ hợp với nhiệt năng của chất đốt tiêu thụ trong cùng một thời gian bởi cùng một tổ hợp

**602-03-23****tải kinh tế của một tổ máy**

Tải tương ứng với điểm tối thiểu của đường cong biểu thị quan hệ của xuất tiêu hao nhiệt với phụ tải

**602-03-24****hệ số tải của một tổ máy**

Tỷ số của năng lượng sản xuất bởi một đơn vị trong một thời gian đã cho với năng lượng sẽ sản xuất được nếu vận hành tại công suất lớn nhất trong cùng thời gian đó.

**602-03-25[26]****thời gian sử dụng công suất tối đa của một tổ máy [nhiều tổ máy] .**

Thương số của năng lượng sản xuất bởi một tổ máy [ nhiều tổ máy ] trong một thời gian đã cho với dung lượng tối đa tương ứng.

**602-03-27****hệ số sử dụng công suất tối đa của một tổ máy .**

tổ máy đơn vị trong một thời gian đã cho với năng lượng nó sẽ phát ra nếu nó chạy ở công suất lớn nhất trong cùng thời gian đó

**602-03-28**

**cách ly một tổ máy**

Biện pháp khẩn cấp bao gồm tách một tổ máy để duy trì việc cấp điện cho các tụ dòng của chính nó

QUANPHAM.VN